

Bản án số : 13/2019/DSPT
Ngày 02-4-2019
V/v “Kiện đòi tài sản và Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuyên.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thông và bà Bùi Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hải Thịnh – Thư ký Tòa án – Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc “*Kiện đòi tài sản và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân Huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2019/QĐPT-DS ngày 11 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đậu Mạnh H , địa chỉ: B28 khu H, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Thanh K ; địa chỉ: Số 159 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk (Theo giấy ủy quyền ngày 11/10/2017) – Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Duy N , chị Hồ Thị Huyền T, bà Đặng Thị H .

Cùng trú tại: Thôn T, xã Đ, Huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Anh Lê Thanh K - *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2017, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Lê Thanh K trình bày:

Ngày 03 và ngày 04/4/2014, anh Đậu Mạnh H cho anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T vay tổng số tiền là 1.062.000.000 đồng. Mục đích vay là để anh N, chị T đảo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất cho vay thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Khi vay, anh N và chị T có thể chấp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) và một số giấy tờ tùy thân gồm: Giấy CNQSD đất số BB 773959 do UBND Huyện Đ cấp cho anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T ngày 18/8/2010; GCNQSDĐ số AL 454772 do UBND Huyện Đ cấp cho anh Đậu Đình H, chị Võ Thị T ngày 17/01/2008, sau đó chuyển nhượng cho anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T ngày 14/12/2011; Giấy CNQSDĐ số D0497302 do UBND Huyện Đ cấp cho bà Đặng Thị H ngày 19/10/1994; 01 sổ hộ khẩu mang tên Trần Duy N; 01 giấy chứng minh thư mang tên Hồ Thị Huyền T; 01 hợp đồng ủy quyền ngày 15/4/2013. Khi đến hạn, anh H đã nhiều lần yêu cầu anh N, chị T trả nợ nhưng anh N, chị T không trả. Vì vậy anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện Đ giải quyết buộc anh N, chị T phải thanh toán số tiền đã vay là: 1.062.000.000 đồng.

Ngày 17/01/2018 anh Đậu Mạnh H có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Huyện Đ thụ lý giải quyết, buộc anh Trần Duy N, chị Hồ Thị Huyền T và bà Đặng Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho anh H số tiền 1.062.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi suất.

2. Bị đơn anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T trình bày:

Ngày 03/4/2014, anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T vay của anh Đậu Mạnh H số tiền là 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*), ngày 04/4/2014 anh chị vay thêm số tiền là 262.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng*). Tổng số tiền mà chị T và anh N đã vay của anh H là: 1.062.000.000đ (*Một tỷ không trăm sáu hai triệu đồng*). Mục đích vay là để đảo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 30 ngày. Sau khi đảo hạn, chị T và anh N có đưa cho anh H Giấy CNQSDĐ số BB 773959 do UBND Huyện Đ cấp cho anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T ngày 18/8/2010; GCNQSDĐ số AL 454772 do UBND Huyện Đ cấp cho ông Đậu Đình H, bà Võ Thị T ngày 17/01/2008, sau đó chuyển nhượng cho anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T ngày 14/12/2011 và GCNQSDĐ số D0497302 do UBND Huyện Đ cấp cho bà Đặng Thị H ngày 19/10/1994 để nhờ anh Đậu Mạnh H làm thủ tục vay tiền Ngân hàng. Nhưng do số tiền mà các Ngân hàng đồng ý cho vay thấp hơn số tiền mà chị T, anh N vay nên anh H không đồng ý. Khi anh H yêu cầu trả nợ thì anh N, chị T có nói anh H khởi kiện tại Tòa án để lấy đất hoặc anh N, chị T đồng ý chuyển nhượng đất lại cho anh H nhưng anh H không đồng ý. Việc anh N, chị T giao các GCNQSDĐ cho anh H là nhờ anh H đi vay Ngân hàng giúp chứ không phải là thế chấp cho khoản vay 1.062.000.000đồng. Quyền sử dụng đất của các thửa đất số 935, 313 tờ bản đồ số 10, 11 tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ là tài sản riêng của bà H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị T và anh N thừa nhận có vay của anh H số tiền là 1.062.000.000đ (Một tỷ không trăm sáu hai triệu đồng). Từ khi vay đến nay chị T có trả cho anh H số tiền là 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu đồng), còn nợ lại 995.000.000đ (Chín trăm chín lăm triệu đồng). Anh N, chị T xin trả nợ dần nhưng không có phương án trả nợ cụ thể.

3. Bị đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Do anh Trần Duy N (con trai bà H) và chị Hồ Thị Huyền T (con dâu bà H) cần tiền để làm ăn nên bà H đồng ý cho anh N, chị T mượn Giấy CNQSDĐ số D0497302 do UBND huyện Đ cấp cho bà Đặng Thị H ngày 19/10/1994 để đi vay Ngân hàng A, chi nhánh P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi đến hạn thanh toán nợ cho Ngân hàng, do chưa có tiền trả nên anh N, chị T nhờ anh Đậu Mạnh H làm thủ tục đáo hạn và vay lại. Tuy nhiên anh H không làm thủ tục vay lại được và giữ luôn Giấy CNQSDĐ số D0497302 mà bà H cho anh N, chị T mượn. Việc vay mượn tiền giữa anh Đậu Mạnh H và anh Trần Duy N, chị Hồ Thị Huyền T, bà H không biết, không liên quan và không thụ hưởng khoản tiền này. Quyền sử dụng đất của các thửa đất số 935, 313 tờ bản đồ số 10, 11 tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ là tài sản của bà H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà H không liên quan đến việc vay mượn của anh N, chị T nên không đồng ý trả nợ. Bà H yêu cầu anh Đậu Mạnh H phải trả lại cho bà H GCNQSDĐ số D0497302 do UBND Huyện Đ cấp ngày 19/10/1994.

Ngày 18/12/2017 bà Đặng Thị H ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng với tư cách là người được ủy quyền của bị đơn.

Ngày 15/12/2017 bà Đặng Thị H có đơn phản tố yêu cầu ông Đậu Mạnh H trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 20/11/2018, bà Đặng Thị H có văn bản từ chối ủy quyền đối với ông T và có đơn xin rút yêu cầu phản tố.

- Tại Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Đ đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; 39; 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 106; 107; 110; 255; 256; 471; 474; 715 đến Điều 721 BLDS 2005; Áp dụng Điều 130 Luật đất đai 2003; Điều 146; 153 Nghị Định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đậu Mạnh H. Buộc anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T phải trả cho anh Đậu Mạnh H số tiền 1.062.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh Đậu Mạnh H về việc yêu

cầu bà Đặng Thị H phải liên đới trả nợ.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị H .

4. Về án phí: Anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T phải nộp 43.860.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả cho anh Đậu Mạnh H số tiền 21.930.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004904 ngày 16/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Đ. Hoàn trả cho bà Đặng Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000818 ngày 30/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự trong thời hạn luật định.

- Ngày 13/12/2018 anh Lê Thanh K là người được nguyên đơn ủy quyền kháng cáo bản án sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 18/11/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Đ, đề nghị cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xem xét buộc bà Đặng Thị H phải liên đới trả nợ cho anh Đậu Mạnh H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết, xét xử phúc thẩm, thẩm phán chủ tọa phiên tòa, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Thanh K , giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lê Thanh K người được nguyên đơn ủy quyền kháng cáo trong thời hạn luật định; đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 146 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Lê Thanh K ; căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Vào 2 ngày 03 và 04/4/2014 anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T vay của anh Đậu Mạnh H số tiền 1.062.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày, mục đích vay là để đảo hạn nợ Ngân hàng; sau khi vay anh N đã đưa cho anh H 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

D0497302 do UBND Huyện Đ cấp cho bà Đặng Thị H ngày 19/10/1994 nhưng giữa các bên không lập giấy tờ gì liên quan đến việc thế chấp giữa anh N , chị T với anh H .

Tại cấp sơ thẩm các bên đã thống nhất số tiền vay là 1.062.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất; thời gian vay nợ anh N chị T cho rằng đã trả được cho anh H số tiền 67.000.000 đồng vào thời gian tháng 4/2014, nhưng anh H không thừa nhận; anh N chị T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Bản án sơ thẩm không chấp nhận việc anh N , chị T đã trả số tiền này cho anh H là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Lê Thanh K là người được nguyên đơn anh Đậu Mạnh H ủy quyền kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Đặng Thị H có trách nhiệm liên đới cùng anh N chị T trả số tiền 1.062.000.000 đồng cho anh Đậu Mạnh H theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc vay mượn tiền phát sinh giữa người vay là anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T với người cho vay là anh Đậu Mạnh H thể hiện tại 02 giấy vay mượn tiền được lập ngày 03 và 04/4/2014 không có tên bà Đặng Thị H người vay; khi vay anh N , chị T có đưa cho anh H 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 01 giấy đứng tên bà Đặng Thị H kèm theo 01 hợp đồng ủy quyền được giao kết giữa bà Đặng Thị H , ông Trần Xuân H với người được ủy quyền anh Trần Duy N được công chứng vào ngày 15/4/2013. Hợp đồng ủy quyền này chỉ mới có giá trị pháp lý giữa bà H , anh H với anh N về việc ủy quyền cho anh N dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H , anh H để thế chấp vay tiền của tổ chức tín dụng hoặc cá nhân.

Tại thời điểm tháng 4/2014 giữa anh N , chị T và anh H lập giấy vay mượn tiền với nhau mà không có giấy tờ gì liên quan giữa các bên về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về hợp đồng ủy quyền giữa bà H, anh H với anh N vào tháng 4/2013 mà nguyên đơn cho rằng bà H đã ủy quyền cho anh N thế chấp để vay tiền nên bà H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng anh N , chị T là không có căn cứ. Bởi, hợp đồng ủy quyền này chỉ mới phát sinh giao dịch giữa bà H , anh H và N mà thôi, chưa phát sinh về việc anh N thế chấp cho anh H để đảm bảo cho khoản vay. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Đặng Thị H phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là có cơ sở. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Lê Thanh K mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên anh Lê Thanh K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Thanh K , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 106, 107, 110, 255, 256, 471, 474, 715 đến Điều 721 BLDS 2005; Điều 130 Luật Đất đai 2003; Điều 146, 153 Nghị Định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đậu Mạnh H . Buộc anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T phải trả cho anh Đậu Mạnh H số tiền 1.062.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh Đậu Mạnh H về việc yêu cầu bà Đặng Thị H phải liên đới trả nợ.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị H.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Duy N và chị Hồ Thị Huyền T phải nộp 43.860.000 đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho anh Đậu Mạnh H số tiền 21.930.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004904 ngày 16/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Đ.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000818 ngày 30/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Đ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 BLTTDS; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Lê Thanh K phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003309 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND Huyện Đ;
- Chi cục THADS Huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thuyên

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND H ện Đắk Mil;
- Chi cục THADS H ện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn TH ên

